

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/KDTM-ST

Ngày: 22/03/2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thúc, ông Đỗ Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST- KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST- KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Ng đơn: Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB); Địa chỉ: Số 21 Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đức; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Quân đội; Địa chỉ: Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Nc Thạch, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc Ninh; Chức vụ: Tổng giám đốc (Theo hợp đồng ủy quyền số 02/UQ.MB-MBAMC ngày 31/01/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đinh Thị Lành; Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Công ty MBAMC (Theo văn bản ủy quyền số 1239/UQ-MBAMC ngày 12/3/2020).

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Chuyên viên xử lý nợ Công ty MBAMC; Địa chỉ: Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1969; Bà Vũ Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn H.M, xã H.M (nay là khu phố H.M, phường H.M), thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1990; Ông Nguyễn Văn Ng sinh năm 1995 và bà Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn H.M, xã H.M (nay là khu phố H.M, phường H.M), thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội (MB) trình bày: Vào ngày 28/8/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội (MB) với ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị T đã ký hợp đồng tín dụng số 768311.18.029.1390181.TD với hạn mức 1.300.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động để sản xuất, kinh doanh đồ gỗ. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay 12 tháng. Thời gian của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Thời hạn cho vay cụ thể được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ. Trả nợ gốc theo văn bản nhận nợ và các thỏa thuận khác (nếu có).

Tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2019 ông H, bà T đã nhận số tiền 500.000.000 đồng. Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 9,5% năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh và được xác định bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt VNĐ kỳ hạn 12 tháng của MB xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 3%/năm. Trả nợ gốc vào ngày cuối kỳ 30/12/2019, trả nợ lãi hàng tháng.

Tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/5/2019 ông H, bà T đã nhận số tiền 500.000.000 đồng. Lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 9,5% năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh và được xác định bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt VNĐ kỳ hạn 12 tháng của MB xác định tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng với biên độ lãi suất 3%/năm. Trả nợ gốc vào ngày cuối kỳ 29/02/2020, trả nợ lãi hàng tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay này, ông H, bà T, ông N, ông Ng và bà H đã thế

chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 104, tờ bản đồ số 62, diện tích 336,8m² ở thôn H.M, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 639461 do UBND thị xã T.S cấp ngày 12/2/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T. Theo hợp đồng thế chấp số 24385.15.029.1390181.BĐ ngày 25/8/2015 tại văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, ngân hàng còn cấp cho ông H một thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 08/01/2021 ông H còn nợ ngân hàng thẻ tín dụng ID thẻ 26384561 là 768.545 đồng.

Sau khi nhận được tổng số tiền 1.000.000.000 đồng từ Ngân hàng MB, ông H, bà T đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 63.667.485 đồng nợ lãi. Ngày 30/12/2019 và ngày 29/02/2020 hai khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/01/2021 ông H, bà T còn nợ ngân hàng MB tổng số tiền là 1.152.336.379 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 151.568.134 đồng, nợ thẻ tín dụng 768.545 đồng. Ngân hàng MB đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông H, bà T không T toán tiền theo thỏa thuận. Vì vậy, ngân hàng MB đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã T.S buộc ông H, bà T T toán cho Ngân hàng MB số tiền theo hợp đồng tín dụng số 768311.18.029.1390181.TD ngày 28/8/2018; khế ước nhận nợ ngày 28/3/2019 và ngày 29/5/2019, tạm tính đến hết ngày 08/01/2021 là 1.152.336.379 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 151.568.134 đồng, nợ thẻ tín dụng ID thẻ 26384561 là 768.545 đồng.

Ông H, bà T phải T toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 768311.18.029.1390181.TD ngày 28/8/2018; khế ước nhận nợ số ngày 28/3/2019 và ngày 29/5/2019 đã ký kể từ ngày 09/01/2021 đến khi T toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ T toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Quân đội có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án: Cưỡng chế bàn giao tài sản bảo đảm của khoản vay cho Ngân hàng MB để Ngân hàng tự mình xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, các tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 104, tờ bản đồ số 62, diện tích 336,8m² ở thôn H.M, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 639461 do UBND thị xã T.S cấp ngày 12/2/2015 cho hộ ông

Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T. Theo hợp đồng thế chấp số 24385.15.029.1390181.BĐ ngày 25/8/2015 tại văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để T toán nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà T đối với Ngân hàng MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để T toán hết khoản nợ thì ông H, bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng MB.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị T xác nhận toàn bộ nội dung trình bày của đại diện Ng đơn về số nợ của hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản cũng như xác nhận toàn bộ số nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ng đơn là đúng. Tính đến ngày 08/01/2021 ông bà còn nợ ngân hàng MB tổng số tiền là 1.152.336.379 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 151.568.134 đồng, nợ thẻ tín dụng ID thẻ 26384561 là 768.545 đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay này, vợ chồng ông bà cùng các con là ông N, ông Ng và bà H đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 104, tờ bản đồ số 62, diện tích 336,8m² ở thôn H.M, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 639461 do UBND thị xã T.S cấp ngày 12/2/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T. Theo hợp đồng thế chấp số 24385.15.029.1390181.BĐ ngày 25/8/2015 tại văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc, nợ lãi cộng tiền lãi phát sinh đến thời điểm T toán hết nợ theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, ông bà đồng ý trả nợ nhưng hiện tại do kinh tế khó khăn chưa có tiền để trả nên xin ngân hàng cho trả dần. Nếu ông bà không trả được tiền thì Ngân hàng TMCP Quân Đội có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn Ng và bà Nguyễn Thị T H đều xác định không liên quan và không sử dụng khoản tiền ông H, bà T vay ngân hàng MB. Tất cả đều khẳng định có ký vào hợp đồng thế chấp tài sản nhưng đây là tài sản của bố mẹ, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông H, bà T. Mọi việc giải quyết vụ án do ông H, bà T quyết định. Tất cả đều xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Ng đơn vẫn giữ Ng yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà T phải trả cho ngân hàng MB số tiền tính đến ngày 22/3/2021 là 1.187.581.675 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 186.782.517 đồng và khoản nợ của nợ thẻ tín dụng ID thẻ 26384561 là 799.158 đồng. Buộc ông H, bà T T toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 768311.18.029.1390181.TD ngày 28/8/2018; khế ước nhận nợ ngày 28/3/2019 và ngày 29/5/2019 đã ký kể từ ngày 23/03/2021 đến khi T toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ T toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Quân đội có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án: Cưỡng chế bàn giao tài sản bảo đảm của khoản vay cho Ngân hàng MB để Ngân hàng tự mình xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, các tài sản bảo đảm là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 104, tờ bản đồ số 62, diện tích 336,8m² ở thôn H.M, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 639461 do UBND thị xã T.S cấp ngày 12/2/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T. Theo hợp đồng thế chấp số 24385.15.029.1390181.BĐ ngày 25/8/2015 tại văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để T toán nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà T đối với Ngân hàng MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để T toán hết khoản nợ thì ông H, bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng MB.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của Ng đơn trong vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng đã được tổng đạt hợp lệ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xin xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 317, 323, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 300, 301, 302, 306, 317 và 319 Luật Thương Mại; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín

dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12 ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội (MB) đối với ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị T phải trả cho ngân hàng MB số tiền tính đến ngày 22/3/2021 là 1.187.581.675 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 186.782.517 đồng và khoản nợ của nợ thẻ tín dụng ID thẻ 26384561 là 799.158 đồng. Ông H, bà T phải T toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 768311.18.029.1390181.TD ngày 28/8/2018; khế ước nhận nợ số ngày 28/3/2019, ngày 29/5/2019 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 23/3/2021 đến khi T toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ T toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Quân đội có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án: Cưỡng chế bàn giao tài sản bảo đảm của khoản vay cho Ngân hàng MB để Ngân hàng tự mình xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB, các tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 104, tờ bản đồ số 62, diện tích 336,8m² ở thôn H.M, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 639461 do UBND thị xã T.S cấp ngày 12/2/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T. Theo hợp đồng thế chấp số 24385.15.029.1390181.BĐ ngày 25/8/2015 tại văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để T toán nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà T đối với Ngân hàng MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để T toán hết khoản nợ thì ông H, bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng MB.

Ông H, bà T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ng đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội (MB) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị T phải trả số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Ông H, bà T có đăng ký kinh doanh hộ cá thể, mục đích vay tiền để kinh doanh đồ gỗ nên đây là vụ án kinh doanh thương mại, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là ông H, bà T trú tại thôn H.M, xã H.M (nay là khu phố H.M, phường H.M), thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Tòa án nhân dân thị xã T.S đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 22/2/2021, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 05 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 22/3/2021, bị đơn, người liên quan vắng mặt và xin xử vắng mặt, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của Ng đơn:*

Xét hợp đồng tín dụng số 768311.18.029.1390181.TD ngày 28/8/2018; khế ước nhận nợ số ngày 28/3/2019; ngày 29/5/2019 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng ID thẻ 26384561 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội với ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Ông H, bà T đã nhận đầy đủ tiền theo khế ước nhận nợ nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội đã khởi kiện ra Tòa án buộc ông H, bà T phải trả tiền cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Yêu cầu khởi kiện của Ng đơn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ông H, bà T xác nhận số nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội là đúng. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định số nợ gốc, nợ lãi theo như yêu cầu khởi kiện của Ng đơn là đúng. Buộc ông H, bà T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội số tiền tính đến ngày 22/3/2021 là 1.187.581.675 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 186.782.517 đồng và khoản nợ của nợ thẻ tín dụng ID thẻ 26384561 là 799.158 đồng. Buộc ông H, bà T toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 768311.18.029.1390181.TD ngày 28/8/2018; khế ước nhận nợ số ngày 28/3/2019, ngày 29/5/2019 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 23/03/2021 đến khi T toán xong khoản nợ.

Tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay này, ông H, bà T, ông N, ông Ng và bà H đã thế chấp tài sản của mình là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 104, tờ bản đồ số 62, diện tích 336,8m² ở thôn H.M, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 639461 do UBND thị xã T.S cấp ngày 12/2/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T. Theo hợp đồng thế chấp số 24385.15.029.1390181.BĐ ngày 25/8/2015 tại văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh. Đại diện Ng đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định tài sản thế chấp theo như hợp đồng thế chấp đã ký. Xét thấy, việc ký kết tài sản thế chấp giữa ông H, bà T, ông N, ông Ng, bà H với Ngân hàng MB đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Nếu ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ T toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Quân Đội có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án: Cưỡng chế bàn giao tài sản bảo đảm của khoản vay cho Ngân hàng MB để Ngân hàng tự mình xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho MB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để T toán hết khoản nợ thì ông H, bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng MB.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng MB được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ngân hàng MB tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông H, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 295, 298, 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 300, 301, 302, 306, 317 và 319 Luật Thương Mại; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội (MB) đối với ông Nghiêm Văn Kỳ, bà Nguyễn Thị Thân về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị T phải trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội số tiền tính đến ngày 22/3/2021 là 1.187.581.675 đồng, trong đó nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 186.782.517 đồng và khoản nợ của nợ thế tín dụng ID thẻ 26384561 là 799.158 đồng.

Ông H, bà T phải T toán phần tiền nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 768311.18.029.1390181.TD ngày 28/8/2018; khế ước nhận nợ số ngày 28/3/2019, ngày 29/5/2019 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kể từ ngày 23/3/2021 đến khi T toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ T toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Quân đội có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án: Cưỡng chế bàn giao tài sản bảo đảm của khoản vay cho Ngân hàng MB để Ngân hàng tự mình xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Hoặc đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng TMCP Quân đội, các tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 104, tờ bản đồ số 62, diện tích 336,8m² ở thôn H.M, xã H.M, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 639461 do UBND thị xã T.S cấp ngày 12/2/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị T. Theo hợp đồng thế chấp số 24385.15.029.1390181.BĐ ngày 25/8/2015 tại văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để T toán nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà T đối với ngân hàng TMCP Quân đội. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để T toán hết khoản nợ thì ông H, bà

T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng TMCP Quân đội.

Án phí: Ông H, bà T phải chịu 47.628.900 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội 22.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2019/0003837 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.S.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã T.S;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thị xã T.S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Thanh